

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST

Ngày: 11 – 6 – 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lam Minh Tâm
2. Bà Trần Thị Lệ Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần BV.

Trụ sở chính: số XYZ, THĐ, phường C quận K, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm DS - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc K – Chuyên viên khách hàng Phòng giao dịch L; địa chỉ: Số YX, đường LPY, khu vực A, phường TS, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn:

1. Anh Danh B, sinh năm 1969.

2. Chị Trương Thị T, sinh năm: 1974.

Cùng cư trú tại: Ấp K, xã L, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn Danh B có mặt;
bị đơn Trương Thị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần BV trình bày:

Ngày 24/7/2019 anh Danh B và chị Trương Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD803201910648 và khế ước nhận nợ số 803201910648/01 ngày 26/7/2019 vay của Ngân hàng số tiền 135.000.000đ. Mục đích vay: Trồng lúa, nuôi heo. Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 27/7/2019 đến hết ngày 24/7/2020. Lãi suất cho vay là 9,7%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ngay trước thời điểm nợ quá hạn. Phương thức thanh toán: Trả gốc cuối kỳ ngày 24/7/2020; trả lãi định kỳ 03 tháng/lần.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, anh B và chị T có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 0162/2019/HĐTC/PGDLongMy ngày 24/7/2019. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 8.000m², loại đất trồng cây lâu năm, thửa 375, tờ bản đồ số 7; đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng anh B, chị T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay đúng theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, hiện số nợ đã quá hạn từ ngày 25/7/2020. Tính đến ngày 01/9/2020 anh B, chị T còn nợ ngân hàng tổng số tiền 139.149.509đ; trong đó vốn gốc 135.000.000đ, lãi trong hạn 1.585.526đ, lãi quá hạn 2.563.983đ. Đến ngày 19/01/2021 anh B, chị T có trả được 5.200.036đ tiền gốc; ngày 26/4/2021 trả 40.000.000đ tiền gốc.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu anh Danh B, chị Trương Thị T phải trả các khoản tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/6/2021 tổng số tiền 109.718.769đ; trong đó, vốn gốc 89.799.964đ, lãi trong hạn 1.585.526đ, lãi quá hạn 18.333.279đ. Đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên tổng số nợ gốc cho đến ngày anh B, chị T thanh toán dứt nợ. Trong trường hợp không thanh toán được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Danh B trình bày:

Anh thừa nhận, vợ chồng anh có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng ngày 26/7/2019 vay số tiền 135.000.000đ, ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay theo hợp đồng. Do quá trình thực hiện hợp đồng vay, do làm ruộng bị thất mùa, chăn nuôi bị dịch bệnh, thiệt hại về kinh tế nên mất khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Anh cũng đã trả được một khoản nợ gốc và lãi theo như phía Ngân hàng trình bày. Nay vợ chồng anh cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng yêu cầu được trả dần cho đến ngày 27/12/2021 thì trả dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Trương Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trương Thị T theo quy định.

Về nội dung vụ án: Do anh Danh B và chị Trương Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với phía Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Danh B, bà Trương Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tổng cộng 109.718.769đ; trong đó, vốn gốc 89.799.964đ, lãi trong hạn 1.585.526đ, lãi quá hạn 18.333.279đ; tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp anh B, chị T không thanh toán hết nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Về án phí, chi phí tố tụng buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần BV khởi kiện yêu cầu anh Danh B, chị Trương Thị T thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn chị Trương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng

mặt chị Trương Thị T nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần BV; căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Ngân hàng và anh Danh B, chị Trương Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD803201910648 và khế ước nhận nợ số 803201910648/01 ngày 26/7/2019. Căn cứ các khế ước nhận nợ thì Ngân hàng đã giải ngân cho anh B, chị T với số tiền vốn 135.000.000đ. Sau khi nhận nợ, anh B và chị T không thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã thỏa thuận; khoản vay này đã quá hạn từ ngày 25/7/2020. Do anh B, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu phải trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp theo quy định.

[3.2]. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng: Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 9,7%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ngay trước thời điểm nợ quá hạn. Do anh B, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu anh phải trả lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì anh B, chị T còn nợ Ngân hàng vốn gốc 89.799.964đ, lãi trong hạn 1.585.526đ, lãi quá hạn 18.333.279đ.

[3.3]. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Anh B, chị T đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc anh B, chị T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu anh B, chị T trả số tiền vay còn nợ tổng cộng 109.718.769đ, trong đó vốn gốc 89.799.964đ, lãi trong hạn 1.585.526đ, lãi quá hạn 18.333.279đ là có căn cứ chấp nhận.

[3.4]. Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng anh B, chị T có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0162/2019/HĐTC/PGDLongMy ngày 24/7/2019. Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, nhằm để đảm bảo khả năng trả nợ

của bên vay cho Ngân hàng. Các bên cam kết thế chấp toàn bộ hiện trạng và giá trị đất để đảm bảo cho toàn bộ dư nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp do chủ sở hữu ký kết xác lập, tài sản thế chấp đúng chủ sở hữu, có giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Tại thời điểm ký kết đăng ký giao dịch bảo đảm các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại các cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có hiệu lực.

Như vậy, trong trường hợp anh B, chị T không thanh toán hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[4]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định.

[5]. Về chi phí tố tụng: Anh Danh B, chị Trương Thị T phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng), nộp để hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BV.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần BV.

2. Buộc anh Danh B, chị Trương Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BV số tiền vay còn nợ tổng cộng 109.718.769đ (một trăm lẻ chín triệu bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng); trong đó vốn gốc 89.799.964đ (tám mươi chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm

sáu mươi bốn đồng), lãi trong hạn 1.585.526đ (một triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng), lãi quá hạn 18.333.279đ (mười tám triệu ba trăm ba mươi nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng).

3. Trường hợp anh Danh B, chị Trương Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần BV có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0162/2019/HĐTC/PGDLongMy lập ngày 24/7/2019. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 8.000m², loại đất trồng cây lâu năm, thửa 375, tờ bản đồ số 7; đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy CH00950 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 13/02/2014.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Danh B, chị Trương Thị T phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng); anh B, chị T nộp để hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BV.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Danh B, chị Trương Thị T được miễn nộp án phí theo quy định. Ngân hàng thương mại cổ phần BV được nhận lại 3.478.738đ (ba triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001991 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn, bị đơn anh Danh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Trương Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể

từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lam Minh Tâm Trần Thị Lệ Hiếu

Ngô Thừa

